

Bản án số: 37/2025/DS-PT.
Ngày: 03-4-2025.
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Dũng**;
ông **Nguyễn Hữu Thịnh**.

- *Thư ký phiên tòa:* bà **Trần Thị Mẫn** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:* ông **Nguyễn Quang Minh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 263/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2024/QĐXXPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Lê Thị Thu A**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông **Lê Minh T**, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam và ông **Đào Duy K**, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn N, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: ông **Lê Trung N**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số C đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông **Bùi Anh N1** là Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Lê Thị Kim C**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: khối phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Kim C: ông Đào Duy K, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn N, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3.2. Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số A đường V, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Tuyết M: ông Đào Duy K, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn N, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3.3. Bà Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số C đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3.4. Ông Lê Trung H1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số B đường N, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Trung H1: ông Đào Duy K, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn N, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3.5. Ông Lê Trung H2, sinh năm 1975.

Địa chỉ: thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3.6. Ông Lê Trung T1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số G đường số B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (*nơi đăng ký thường trú: Khối phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam*).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Trung T1: ông Đào Duy K, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn N, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3.7. Bà Nguyễn Thị Hoa S, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số C đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (*nơi đăng ký thường trú: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam*). Có mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn ông Lê Trung N.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị Thu A và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cha, mẹ bà A là ông Lê Trung S1 (*chết năm 2019*) và bà Lê Thị Minh N2 (*chết năm 2014*), sinh được 07 người con và có 01 người con nuôi, gồm: Lê Thị Kim C, Lê Thị Thu A, Lê Thị Tuyết M, Lê Thị Cẩm H, Lê Trung H1, Lê Trung H2, Lê Trung N và Lê Trung T1 (*ông T1 được cha, mẹ nhận làm con nuôi*). Đồng thời, khi còn sống cha, mẹ bà A có tạo lập được di sản là nhà và đất tại Số

C đường P, thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 17, diện tích đất ở 142,7m² tại phường P (nay là phường A), thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 428, do UBND tỉnh Q cấp ngày 27/7/2001 cho ông Lê Trung S1 và bà Lê Thị Minh N2.

Cha, mẹ bà A trước khi chết không để lại di chúc và hiện tại giữa chị em bà Á không thống nhất được việc phân chia di sản. Hiện di sản thừa kế do em trai bà Á là ông Lê Trung N đang quản lý, sử dụng và giữ các giấy tờ liên quan.

Nay, bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, bà Á yêu cầu được nhận 1/8 giá trị được thừa kế. Bà A thống nhất với kết quả Chứng thư thẩm định giá số 298/CTTĐG-VFC ngày 03/7/2023 của Công ty Cổ phần T3 và tự nguyện chịu phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Lê Trung N trình bày:

Cha ông là ông Lê Trung S1 và mẹ ông là bà Lê Thị Minh N2 đều đã chết và không để lại di chúc. Trước khi chết, cha mẹ ông có để lại tài sản là ngôi nhà Số C đường P, thành phố T. Cha mẹ ông có 07 người con chung và 01 người con nuôi như bà A trình bày.

Khi cha mẹ ông già yếu, bệnh tật thì vợ chồng ông là người trông nom, nuôi dưỡng và phụng sự đến khi qua đời. Năm 2004, mẹ ông không may bị tai nạn gãy cổ xương đùi. Khi đó mẹ ông không có bảo hiểm nên vợ chồng ông phải vay mượn lo liệu thuốc thang và viện phí, trong khi không có sự hỗ trợ của anh chị em. Trước khi qua đời, nguyện vọng của cha mẹ là anh em cố gắng giữ lại ngôi nhà kỷ niệm và thờ cúng ông bà. Ông là con trai đầu có nhiệm vụ tu bổ, giữ gìn và thờ cúng ông bà, ông không có ý định chiếm đoạt hay làm gì trái với pháp luật. Ông mong anh chị em cho ông ở thêm vài năm nữa để nuôi con ăn học, vì kinh tế gia đình trông vào cái cửa hàng nhỏ lẻ.

Lúc trước họp gia đình, mọi người đồng ý bán ½ ngôi nhà phía sau để chia cho anh em, còn ½ ngôi nhà phía trước để lại buôn bán và thờ cúng ông bà. Nếu sau này không giữ được ngôi nhà thì ông mong anh chị em trích 50% giá trị ngôi nhà để làm một ngôi nhà thờ đảng hoàng và âm cúng để sau này giỗ kỵ con cháu về sum họp đông đủ. Trước đây, khi bà C khởi kiện thì ông có giao cho bà C 50.000.000 đồng và bà C rút đơn khởi kiện.

Trong quá trình vợ chồng ông chung sống với cha mẹ, lúc cha mẹ già yếu, bệnh tật vợ chồng ông có đóng viện phí và nuôi dưỡng; vợ chồng ông có sửa chữa, tôn tạo và bảo dưỡng ngôi nhà bao năm nay như: làm lại nền gạch men, thay cửa sắt, thay chái tôn, sửa chữa bàn ngồi vệ sinh. Nếu phân chia di sản thì ông không yêu cầu những người đồng thừa kế phải thanh toán lại cho vợ chồng ông những chi phí này.

Ông thống nhất với Chứng thư thẩm định giá số 298/CTTĐG-VFC ngày 03/7/2023 của Công ty Cổ phần T3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Lê Thị Cẩm H, ông Lê Trung H2 và bà Nguyễn Thị Hoa S thống nhất với phần trình bày của ông Lê Trung N.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Thị Tuyết M, bà Lê Thị Kim C, ông Lê Trung T1, ông Lê Trung H1 là ông Đào Duy K đề nghị Tòa án xem xét chia di sản thừa kế của ông Lê Trung S1 và bà Lê Thị Minh N2 theo quy định của pháp luật.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 263/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015 các Điều 33, 66 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu A đối với bị đơn ông Lê Trung N về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

- Giao cho ông Lê Trung N được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 212, tờ bản đồ số 17, diện tích đất ở 142,7m² tại phường P (nay là phường A), thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 428, do UBND tỉnh Q cấp ngày 27-7-2001 cho ông Lê Trung S1 và bà Lê Thị Minh N2, trị giá 6.923.893.000 đồng.

- Buộc ông Lê Trung N có nghĩa vụ phải thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng

g thừa kế, cụ thể: cho bà Lê Thị Thu A, bà Lê Thị Tuyết M, bà Lê Thị Cẩm H, ông Lê Trung H1, ông Lê Trung H2, ông Lê Trung T1 mỗi người với số tiền là 865.486.625 đồng và cho bà Lê Thị Kim C số tiền là 815.486.625 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2024, bị đơn là ông Lê Trung N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; ngày 16/10/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 26/QĐ-VKS-DS, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, tính lại công sức tôn tạo, bảo quản di sản thừa kế cho bị đơn theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự,

thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận công sức tôn tạo, bảo quản di sản thừa kế và công chăm sóc cha, mẹ cho bị đơn ông Lê Trung N, tương ứng với 20% giá trị di sản thừa kế là 1.384.778.600 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam giữ nguyên kháng nghị; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Trung N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, thì thấy:

[2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các đương sự, thể hiện: cha, mẹ của nguyên đơn và bị đơn là ông Lê Trung S1 (*chết năm 2019*) và bà Lê Thị Minh N2 (*chết năm 2014*); những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S1 và bà N2 gồm các ông, bà: Lê Thị Kim C, Lê Thị Thu A, Lê Thị Tuyết M, Lê Thị Cẩm H, Lê Trung H1, Lê Trung H2, Lê Trung N và Lê Trung T1; di sản thừa kế do ông S1 và bà N2 để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 212, tờ bản đồ số 17, diện tích đất ở 142,7m² tại phường P (nay là phường A), thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, do UBND tỉnh Q cấp ngày 27/7/2001 cho ông Lê Trung S1 và bà Lê Thị Minh N2.

[2.2] Trước khi chết, ông S1, bà N2 không để lại di chúc nên Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế do ông S1, bà N2 để lại theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S1, bà N2 gồm các ông, bà: Lê Thị Kim C, Lê Thị Thu A, Lê Thị Tuyết M, Lê Thị Cẩm H, Lê Trung H1, Lê Trung H2, Lê Trung N và Lê Trung T1 (*08 người*) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về giá trị di sản thừa kế: các đương sự đều thống nhất với kết quả định giá theo Chứng thư thẩm định giá số: 298/CTTĐG-VFC ngày 03/7/2023 của Công ty Cổ phần T3; theo đó, tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 6.923.893.000 đồng.

Về phân chia di sản thừa kế: tổng giá trị di sản thừa kế của ông S1, bà N2 là 6.923.893.000 đồng, được chia cho 08 người, gồm các ông, bà: Lê Thị Kim C, Lê Thị Thu A, Lê Thị Tuyết M, Lê Thị Cẩm H, Lê Trung H1, Lê Trung H2, Lê Trung N, Lê Trung T1. Cụ thể, mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế

trị giá là: 6.923.893.000 đồng : 8 = 865.486.625 đồng (*riêng bà Lê Thị Kim C đã nhận của ông N 50.000.000 đồng*). Tòa án cấp sơ thẩm xác định hiện nay ông Lê Trung N là người đang quản lý, sử dụng di sản thừa kế nên giao cho ông N được nhận hiện vật và có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác là phù hợp.

[2.3] Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị đơn yêu cầu tính công sức chăm sóc, nuôi dưỡng người để lại di sản thừa kế và công sức quản lý, tôn tạo di sản thừa kế; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng nội dung *Án lệ số: 05/2016/AL (được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và công bố theo Quyết định số: 220/QĐ-CA06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)* để tính công sức chăm sóc, nuôi dưỡng người để lại di sản thừa kế và công sức quản lý, tôn tạo di sản thừa kế cho vợ chồng bị đơn ông Lê Trung N. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lê Trung N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hoa S thừa nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 212, tờ bản đồ số 17, diện tích đất ở 142,7m²; địa chỉ: Số C đường P, phường P (nay là phường A), thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, do UBND tỉnh Q cấp ngày 27/7/2001 cho ông Lê Trung S1 và bà Lê Thị Minh N2 là di sản thừa kế do ông S1, bà N2 để lại và khi được Hội đồng xét xử sơ thẩm hỏi thì ông N, bà S đều cho rằng nếu Tòa án phân chia di sản thừa kế thì ông N, bà S không yêu cầu trả tiền công sức chăm sóc, nuôi dưỡng người để lại di sản thừa kế và công sức quản lý, tôn tạo di sản thừa kế nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét là có cơ sở, phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đề nghị áp dụng *Án lệ số: 05/2016/AL (được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và công bố theo Quyết định số: 220/QĐ-CA06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)* là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, như đã nhận định ở trên, tại phiên tòa sơ thẩm ông N, bà S cho rằng nếu Tòa án phân chia di sản thừa kế thì ông, bà không yêu cầu trả tiền công sức chăm sóc, nuôi dưỡng người để lại di sản thừa kế và công sức quản lý, tôn tạo di sản thừa kế nên không phù hợp với tình huống pháp lý tại *Án lệ số: 05/2016/AL*.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Trung N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Trung H2 chỉ yêu cầu ông Lê Trung N thanh toán cho ông H2 số tiền là 700.000.000 đồng và bà Lê Thị Cẩm H chỉ yêu cầu ông Lê Trung N thanh toán cho bà H số tiền là 200.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận nội dung tự nguyện thỏa thuận này của ông H2, bà H, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Trung N phải chịu số tiền 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Trung N và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 26/QĐ-VKS-DS ngày 16/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 263/2024/DS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, công nhận sự tự nguyện của ông Lê Trung H2 và bà Lê Thị Cẩm H.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 38, 39, 147 và 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 653, 660 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 các Điều 26, 27 và 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A Á đối với bị đơn ông Lê Trung N về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Xác định quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 212, tờ bản đồ số 17, diện tích đất ở 142,7m², địa chỉ: Số C đường P, phường P (nay là phường A), thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh Q cấp ngày 27/7/2001 cho ông Lê Trung S1 và bà Lê Thị Minh N2 là di sản thừa kế của ông Lê Trung S1 và bà Lê Thị Minh N2 để lại.

Giao cho ông Lê Trung N được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 212, tờ bản đồ số 17, diện tích đất ở 142,7m², địa chỉ: Số C đường P, phường P (nay là phường A), thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh Q cấp ngày 27/7/2001 cho ông Lê Trung S1 và bà Lê Thị Minh N2, trị giá 6.923.893.000 (*Sáu tỷ chín trăm hai mươi ba triệu tám trăm chín mươi ba nghìn*) đồng.

Buộc ông Lê Trung N có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho: bà Lê Thị Thu A, bà Lê Thị Tuyết M, ông Lê Trung H1, ông Lê Trung T1 mỗi người số tiền 865.486.000 (*T2 trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn*) đồng; bà Lê Thị Kim C số tiền 815.486.000 (*Tám trăm mười lăm triệu*

bốn trăm tám mươi sáu nghìn) đồng; ông Lê Trung H2 số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng; bà Lê Thị Cẩm H số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chi phí tố tụng: bà Lê Thị Thu A tự nguyện nộp số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn) đồng (đã nộp xong).*

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị Thu A, bà Lê Thị Kim C, bà Lê Thị Tuyết M, bà Lê Thị Cẩm H được miễn; ông Lê Trung H1, ông Lê Trung T1 mỗi người phải chịu số tiền 37.964.000 (*Ba mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng; ông Lê Trung H2 phải chịu số tiền 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng; ông Lê Trung N phải chịu số tiền 62.893.000 (Sáu mươi hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn) đồng.*

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Trung N phải chịu số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001520 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (03/4/2025).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Tam Kỳ;
- Chi cục THADS thành phố Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo